Chi tiết mã HS 8459.59.10

Mã HS	8459.59.10
Mô tả hàng hóa	Máy công cụ (kể cả đầu gia công tổ hợp có thể di chuyển được) dùng để khoan, doa, phay, ren hoặc ta rô bằng phương pháp bóc tách kim loại, trừ các loại máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) thuộc nhóm 84.58 / - Máy phay, kiểu công xôn: / - - Loại khác: / - - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 22:05:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84595910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14126
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14126
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14126
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13457
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13398
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13398
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13398
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13398
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13398
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13398
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13452
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13452
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13452
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13452

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13452
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13452
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13453
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13453
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13453
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13453
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13453
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13453
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13456
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13404
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13412
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13412
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13412
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13412
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13412
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13412
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13443
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13443
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13443
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13443
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13443
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13443
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13492
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13492
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13492
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13492

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13492
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13492
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13475
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13475
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13475
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13475
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13475
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13475
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13475
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13475
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13475
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13475
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13475
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13475
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13490
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13490
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13490
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13490
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13490
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13490
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13489
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13489
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13489
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13489
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13489
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13489

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13469
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13469
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13469
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13469
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13469
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13469
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13469
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13477
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13477
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13477
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13477
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13477
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13477
RCEP B	2022	2022	0	B!D13477
RCEP B	2023	2023	0	B!E13477
RCEP B	2024	2024	0	B!F13477
RCEP B	2025	2025	0	B!G13477
RCEP B	2026	2026	0	B!H13477
RCEP B	2027	2027	0	B!I13477
RCEP C	2022	2022	0	C!D13477
RCEP C	2023	2023	0	C!E13477
RCEP C	2024	2024	0	C!F13477
RCEP C	2025	2025	0	C!G13477
RCEP C	2026	2026	0	C!H13477
RCEP C	2027	2027	0	C!I13477
RCEP D	2022	2022	0	D!D13476

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13476
RCEP D	2024	2024	0	D!F13476
RCEP D	2025	2025	0	D!G13476
RCEP D	2026	2026	0	D!H13476
RCEP D	2027	2027	0	D!I13476
RCEP E	2022	2022	0	E!D13480
RCEP E	2023	2023	0	E!E13480
RCEP E	2024	2024	0	E!F13480
RCEP E	2025	2025	0	E!G13480
RCEP E	2026	2026	0	E!H13480
RCEP E	2027	2027	0	E!I13480
RCEP F	2022	2022	0	F!D13477
RCEP F	2023	2023	0	F!E13477
RCEP F	2024	2024	0	F!F13477
RCEP F	2025	2025	0	F!G13477
RCEP F	2026	2026	0	F!H13477
RCEP F	2027	2027	0	F!I13477
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12504
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12504
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12504
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12504

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8459.59 có 2 dòng thuế; dòng 8459.59.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8459.59.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8459.59.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8459.59.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14126), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.